TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2020
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quàng Văn Tiện.
2. Bà Lò Thị Thành.
- Thư ký phiên tòa:
Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:
Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 41/2020/DSST – HNGĐ, ngày 17/02/2020 về việc: Xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX - ST ngày 04/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị L, sinh năm 1989. Nơi ĐKHKTT: Bản B, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Chỗ ở hiện nay: Bản C, xã S, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lường Văn N, sinh năm 1988. Nơi ĐKHKTT: Bản B, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La.

Hiện đang thi hành án tại Trại giam T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/02/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lường Thị L trình bày: Chị và Lường Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện M vào ngày 19/12/2008. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N chơi bời, không tu chí làm ăn, tuy nhiên mỗi khi chị L có góp ý và nhắc nhở thì đều bị anh N nhiều lần chửi bới, đánh đập và không chịu thay đổi. Đến cuối tháng 12/2018 anh N phạm tội cướp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 08 năm tù giam. Hiện nay anh N đang đi thi

hành án tại Trại giam T - Bộ công an. Chị thấy không còn tình cảm với anh N nữa, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên có đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Lường Văn N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh N không sinh được một người con nào, nên anh chị không có con chung vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị và anh N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án do anh N đang chấp hành án tại Trại Giam T- Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã có quyết định ủy thác thu thập chứng cứ để lấy ý kiến của anh Lường Văn N về việc xin ly hôn của chị L. Theo kết quả ủy thác anh N đã có bản tự khai đề ngày 27/5/2020 thể hiện: Anh và chị L kết hôn và phát sinh mâu thuẫn đúng như chị L đã trình bày, nay chị L có yêu cầu xin được ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: anh N khai trong thời gian chung sống anh chị không sinh được một người con nào, nhưng có nhận một người con của anh trai ruột anh N về nuôi và đã làm thủ tục nhận nuôi con nuôi tại UBND xã N, huyện Sông Mã. Nếu ly hôn anh đề nghị trả lại người con cho anh trai ruột của mình.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Do đang phải chấp hành án tại Trại giam T nên anh không thể có mặt tại phiên tòa được, anh N đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình giám sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh N là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lường Thị L, xử cho chị L được ly hôn anh N. Chị L và anh N không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lường Thị L được Tòa án thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lường Văn N, anh N đã có ý kiến nhất trí về việc xin ly hôn của chị L, nhưng anh N đang thi hành án tại Trại giam T nên anh không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Anh Lường Văn N cũng có xin xét xử vắng mặt, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị L và anh Lường Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện M vào ngày 19/12/2008 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị L và anh N đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc và bất đồng quan điểm sống, đến tháng 12/2018 anh N phạm tội và bị kết án về tội Cướp tài sản, hiện đang phải đi thi hành mức án 08 năm tù giam. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, việc anh N đi thi hành án khiến cho cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị L ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh N đều thừa nhận không sinh được một người con chung nào; Tuy nhiên, anh N khai có nhận nuôi 1 người con của anh trai ruột anh N về làm con nuôi và đã tiến hành làm thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi tại UBND xã N. Ngày 02/6/2020 Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã N, huyện M về việc nhận nuôi con nuôi theo như lời khai của anh N, kết quả xác minh cho thấy tại các hồ sơ lưu trữ về việc đăng ký nhận nuôi tại UBND xã N từ năm 2008 đến nay không có tài liệu nào ghi nhận việc nhận nuôi con nuôi của anh N và chị L. Vì vậy, lời khai của anh N về việc nhận nuôi con nuôi của vợ chồng là không có căn cứ, HĐXX nhận định giữa anh N và chị L không có con chung nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị L và anh N đều khai nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lường Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy

định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lường Thị L đối với anh Lường Văn N.

Xử cho chị Lường Thị L được ly hôn anh Lường Văn N.

2. Về án phí: Chị Lường Thị L phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004564 ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã. Chị Lường Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Về Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Lường Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Nhung